

Số: **19** /CNĐKTN-BXD

Hà Nội, ngày **17** tháng **01** năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên tổ chức đã đăng ký:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT KIỂM ĐỊNH**  
**XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN**

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 195/22 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: Số 30 đường số 2, KP4, P. Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM, Việt Nam.

Địa chỉ thử nghiệm: Số 30 đường số 2, KP4, P. Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM, Việt Nam.

Điện thoại: 028 629 36553

E-mail: kiemdinhtuongson@tscsc.vn

**Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại Phụ lục kèm theo.**

2. Số đăng ký: **36/TN/BXD**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Kiểm định Xây dựng Trường Sơn;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Nguyễn Quang Minh**

**PHỤ LỤC**  
**LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
*(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 19 /CNĐKTN-BXD, ngày 17 tháng 01 năm 2023*  
*của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Tên SPHH	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (Phương pháp thử) (*)
<b>I. Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông</b>		
Xi măng poóc lăng	Cường độ nén	TCVN 6016:2011
	Độ ổn định thể tích, xác định theo Le chatelier	TCVN 6017:2015
	Hàm lượng anhydric sunphuric (SO <sub>3</sub> )	TCVN 141:2023
	Hàm lượng magiê oxit (MgO)	TCVN 141:2023
	Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 141:2023
	Hàm lượng cặn không tan (CKT)	TCVN 141:2023
Xi măng poóc lăng hỗn hợp	Cường độ nén	TCVN 6016:2011
	Độ ổn định thể tích, xác định theo Le chatelier	TCVN 6017:2015
	Hàm lượng anhydric sunphuric (SO <sub>3</sub> )	TCVN 141:2023
	Độ nở autoclave	TCVN 8877:2011
Xi măng poóc lăng bền sun phát	Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 141:2023
	Hàm lượng magiê oxit (MgO)	TCVN 141:2023
	Hàm lượng sắt ôxyt (Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	TCVN 141:2023
	Hàm lượng nhôm ôxyt (Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> )	TCVN 141:2023
	Hàm lượng anhydric sunphuric (SO <sub>3</sub> )	TCVN 141:2023
	Hàm lượng C <sub>3</sub> A	TCVN 6067:2018
	Tổng hàm lượng (C <sub>4</sub> AF+ 2C <sub>3</sub> A)	TCVN 6067:2018
	Hàm lượng cặn không tan (CKT)	TCVN 141:2023
	Độ ổn định thể tích, xác định theo Le chatelier	TCVN 6017:2015
	Cường độ nén	TCVN 6016:2011
Xi hạt lò cao	<i>Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng</i>	
	Hệ số kiểm tính K	TCVN 4315:2007
	Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 4315:2007
	Hàm lượng magiê oxit (MgO)	TCVN 141:2023
	<i>Xi hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa</i>	
	Chỉ số hoạt tính cường độ	Phụ lục A - TCVN 11586:2016
	Hàm lượng magiê oxit (MgO)	TCVN 8265:2009
	Hàm lượng anhydric sunphuric (SO <sub>3</sub> )	TCVN 8265:2009
	Hàm lượng ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 141:2023
	Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 11586:2016
Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng	Hàm lượng lưu huỳnh, hợp chất lưu huỳnh tính quy đổi ra SO <sub>3</sub>	TCVN 141:2023
	Hàm lượng canxi ôxyt tự do (CaO <sub>td</sub> )	TCVN 141:2023
	Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 8262:2009
	Hàm lượng kiềm có hại (kiềm hòa tan)	TCVN 5882:2016
	Hàm lượng ion clo (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 141:2023
	Chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng sau 28 ngày so với mẫu đối chứng.	TCVN 6882:2016
<b>II. Cốt liệu xây dựng</b>		
Cát nghiền cho bê tông và vữa	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
	Hàm lượng hạt có kích thước nhỏ hơn 75 μm <sup>(c)</sup>	TCVN 9205:2012
	Hàm lượng hạt sét	TCVN 7572-8:2006
	Hàm lượng ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 7572-15:2006
	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
Cát tự nhiên cho bê tông và	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
	Hàm lượng các tạp chất: - Sét cục và các tạp chất dạng cục	TCVN 7572-8:2006

Tên SPHH	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (Phương pháp thử) (*)
vữa)	- Hàm lượng bụi, bùn, Sét	
	Hàm lượng ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 7572-15:2006
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
<b>III. Vật liệu ô tô lát</b>		
<i>Gạch gốm ốp lát</i>		
Bảng C-1- gạch gốm ốp lát ép bán khô (nhóm B)	Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016, (ISO 10545-3:1995)
	Độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016, (ISO 10545- 4:2014)
	Độ chịu mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016, (ISO 10545-6:2010)
	Độ chịu mài mòn đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016, (ISO 10545-7:1996)
	Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016, (ISO 10545-8:2014)
	Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016,(ISO 10545-10:1995)
Bảng C-2- gạch gốm ốp lát đùn đeo (nhóm A)	Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016, (ISO 10545-3:1995)
	Độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016, (ISO 10545- 4:2014)
	Độ chịu mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016 (ISO 10545-6:2010)
	Độ chịu mài mòn đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016 (ISO 10545-7:1996)
	Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016 (ISO 10545-8:2014)
	Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016 (ISO 10545 - 10:1995)
Đá ốp lát tự nhiên	Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016, (ISO 10545-3:1995)
	Độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016, (ISO 10545- 4:2014)
	Độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	Độ hút nước	BS EN 14617- 1:2013
	Độ bền uốn	BS EN 14617- 2:2016
	Độ bền mài mòn	BS EN 14617-4:2012
	Độ bền hóa học	BS EN 14617-10:2012
Gạch bê tông tự chèn	Cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Độ mài mòn	TCVN 6065:1995
<b>IV. Vật liệu xây</b>		
Gạch đất sét nung	Cường độ nén và uốn	TCVN 6355-2:2009; TCVN 6355-3:2009
	Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
Gạch bê tông	Cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016
	Độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
Sản phẩm bê tông khí chung áp	Cường độ nén	TCVN 9030:2017
	Khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
	Độ co khô	TCVN 9030:2017
Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép	<i>Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép</i>	
	Độ hút nước	TCVN 3113:2022
	Cấp độ bền va đập	TCVN 11524:2016
	Độ bền treo vật nặng	TCVN 11524:2016
	Cường độ nén của bê tông ở tuổi 28 ngày	TCVN 3118:2022
	<i>Tấm tường nhẹ 3 lớp xen kẽ</i>	
	Cấp độ bền va đập	TCVN 11524:2016
	Độ bền treo vật nặng	TCVN 12302:2018
	Cường độ bám dính giữa tấm biên với lớp lõi	TCVN 9349:2012
	Cường độ nén của tấm tường nhẹ ba lớp	TCVN 9030:2017
	<i>Tấm tường bê tông khí chung áp cốt thép</i>	
	Cường độ chịu nén và khối lượng thể tích.	TCVN 12868:2020
	Độ co khô	TCVN 12868:2020

Tên SPHH	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (Phương pháp thử) (*)
<b>V. Vật liệu lợp</b>		
Tấm sóng amiăng xi măng	Thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000
	Tải trọng uốn gãy theo chiều rộng tấm sóng	TCVN 4435:2000
Ngói lợp	<i>Ngói đất sét nung</i>	
	Độ thấm nước	TCVN 4313:2023
	Lực uốn gãy	TCVN 4313:2023
	<i>Ngói gốm tráng men</i>	
	Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016, (ISO 10545-3:2016)
	Tải trọng uốn gãy đối với ngói lợp	TCVN 4313:2023
	Độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016, (ISO 10545-11:1994)
	<i>Ngói bê tông</i>	
	Độ bền cơ học	TCVN 4313:2023
	Độ thấm nước	TCVN 4313:2023
<b>VI. Thiết bị vệ sinh</b>		
Chậu rửa	Khả năng chịu tải	TCVN 12648:2020
	Thoát nước	TCVN 12648:2020
	Khả năng làm sạch	TCVN 12648:2020
	Bảo vệ chống tràn	TCVN 12648:2020
Bồn Tiểu nam treo tường	Khả năng chịu tải	TCVN 12651:2020
	Đặc tính xả	TCVN 12651:2020
	Độ sâu nước bịt kín	TCVN 12651:2020
Bồn Tiểu nữ	Khả năng chịu tải	TCVN 12652:2020
	Khả năng làm sạch	TCVN 12652:2020
	Bảo vệ chống chảy tràn	TCVN 12652:2020
Bệ Xí bệt	Tải trọng tĩnh	TCVN 12649:2020
	Đặc tính xả	TCVN 12652:2020
<b>VII. Kính xây dựng</b>		
Kính nổi	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
	Độ xuyên quang	TCVN 7737:2007
Kính phẳng tôi nhiệt	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
	Ứng suất bề mặt kính	TCVN 8261:2009
	Độ bền phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013
Kính màu hấp thụ nhiệt	Sai lệch chiều dày	TCVN 7529:2005
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7529:2005
	Hệ số truyền năng lượng bức xạ mặt trời	TCVN 7529:2005
Kính phủ phản quang	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2018
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
	Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời	TCVN 7528:2005
Kính phủ bức xạ thấp	Độ phát xạ	EN 12898:2019
	Khuyết tật ngoại quan	EN 1096-1:2012
Kính hộp gắn kín cách nhiệt	Chiều dày danh nghĩa	TCVN 8260:2009
	Điểm sương	TCVN 8260:2009
Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp	Sai lệch chiều dày	TCVN 7364-5:2018
	Độ bền va đập bi rơi	TCVN 7368:2012
	Độ bền chịu nhiệt	TCVN 7364-4:2018
<b>VIII. Vật liệu trang trí và hoàn thiện</b>		
Sơn tường-	Độ bền lớp sơn phủ theo phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015

Tên SPHH	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (Phương pháp thử) (*)
dạng nhũ trong	Độ rửa trôi	TCVN 8653-4:2012
	Chu kỳ nóng lạnh sơn phủ ngoại thất	TCVN 8653-5:2012
	Hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC)	TCVN 10370-1,2: 2014 (ISO 11890-1,2:2007) hoặc TCVN 10369:2014 (ISO 17895:2005)
Tấm thạch cao và panel thạch cao cốt sợi	Cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2009
	Độ biến dạng âm	TCVN 8257-5: 2009
	Độ hút nước	TCVN 8257-6: 2009
	Hàm lượng chất lưu huỳnh dễ bay hơi (Orthorhombic cyclooctasulfur - S8)	ASTM C471 M-20a
Ván gỗ nhân tạo	<i>Ván sợi</i>	
	Độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018, (ISO 16983:2003)
	Độ bền uốn tĩnh	TCVN 12446:2018, (ISO 16978:2003)
	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018, (ISO 16984:2003)
	Hàm lượng formaldehyt phát tán	
	Phân loại E 1	TCVN 11899-1:2018, (ISO 12460-1) TCVN 11899-5:2018, (ISO 12460-5)
	Phân loại E 2	TCVN 11899-1:2018, (ISO 12460-1) TCVN 11899-5:2018, (ISO 12460-5)
	<i>Ván dăm</i>	
	Độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018,(ISO 16983:2003)
	Độ bền uốn tĩnh	TCVN 12446:2018, ISO 16978:2003)
	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018,(ISO 16984:2003)
	Hàm lượng formaldehyt phát tán	TCVN 11899-1:2018, (ISO 12460-1) TCVN 11899-4:2018, (ISO 12460-4) TCVN 11899-5:2018, (ISO 12460-5)
	<i>Ván ghép từ thanh dầy và ván ghép từ thanh trung bình</i>	
	Hàm lượng formaldehyt phát tán	TCVN 11899-1:2018 (ISO 12460-1)

**Ghi chú:**

- (\*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.